

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-6-2021  
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tuyển.

Ông Hồ Huy Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 613/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm: 1968 “Vắng mặt”.

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn M, sinh năm: 1965 “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Bà cùng chồng là ông Trần Văn M sống chung với nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn; có nữ trang ngày cưới nhưng vợ chồng đã bán hết. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Đ, xã H. Đến năm 1992 vợ chồng được mẹ bà cho đất cất nhà ra riêng tại ấp B, xã T, huyện G sống cho đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh năm 1991. Hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là phần đất đang cất nhà diện tích 1990 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã T, huyện G.

Về nợ chung: không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về thì kiểm chuyện gây sự, chửi mắng bà và chửi cả dòng họ bên bà. Ngoài ra, chồng bà còn đui đánh bà và hăm dọa đâm bà. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Nay bà yêu cầu được ly hôn chồng bà là ông Trần Văn M.

Về con chung: Do con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn M trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống không đăng ký hôn), về con chung, về tài sản chung và nợ và nợ chung. Ông bổ sung thêm phần mâu thuẫn, vợ chồng dù vẫn sống chung nhà nhưng tiền ai làm ra người đó tiêu xài và vợ chồng ăn riêng nay đã 3 năm. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, lý do vợ chồng còn nhiều vấn đề cần giải quyết nhưng ông không tiện trình bày tại Tòa án.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ ông thì về con chung, tài sản chung và nợ chung ông đồng ý tất cả với lời trình bày và yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Trần Văn M là vợ chồng. Con chung của ông bà đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết: Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông M chung sống với nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, ông bà không có đăng ký kết hôn. Thấy rằng, khi chung sống ông bà có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Khi bà H yêu cầu ly hôn, ông M không chấp nhận và xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, do hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên Hội đồng xử không xem xét mâu thuẫn giữa ông bà để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Trường hợp của ông bà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với các điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh năm 1991, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được. Ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà cùng trình bày vợ chồng có tài sản chung, Nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Trần Văn M là vợ chồng.

2/. Về con chung: Con chung của ông bà tên Trần Quốc B, sinh năm 1991, đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được. Ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Bà H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012487 ngày 03-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Vân Quỳnh**

